

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, gồm các lĩnh vực: bình ổn giá, định giá của Nhà nước, hiệp thương giá, kiểm tra các yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá, thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại khoản 1, Điều này thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2012, Điều 24 Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Đăng ký giá

1. Thực hiện đăng ký giá để bình ổn giá:

a) Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định gửi Sở Tài chính hoặc các sở quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Sở Tài chính, các sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy trình quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

c) Sở Tài chính chủ trì cùng các sở quản lý ngành, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đăng ký giá và phân công cụ thể về thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Cơ quan tiếp nhận đăng ký giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đăng ký kinh doanh tại Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

3. Đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh tại phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang thực hiện đăng ký giá tại Sở Tài chính và các sở quản lý ngành theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

b) Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh tại Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: thực hiện đăng ký giá tại cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Biểu mẫu đăng ký giá: thực hiện đăng ký giá theo biểu mẫu đăng ký giá quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC.”

3. Khoản 1, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá.

1. Trách nhiệm lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

a) Sở Tài nguyên Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá các loại đất; giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá sản phẩm, dịch vụ khác không có quy định của pháp luật chuyên ngành theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

giá nước sạch sinh hoạt; giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương; giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực xây dựng;

đ) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực công thương;

e) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;

g) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xây dựng phương án: Giá nước sạch sinh hoạt; giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

h) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông và dịch vụ phát hành công báo;

i) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

k) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

l) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực nội vụ;

m) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

n) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực tư pháp;

o) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội;

p) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực y tế;

q) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

r) Đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước: thực hiện theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

s) Giá hàng hóa, dịch vụ khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

4. Khoản 3, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Quy trình phối hợp thực hiện của các cơ quan Nhà nước trong việc trình, thẩm định và quyết định giá:

a) Cơ quan có trách nhiệm trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi là cơ quan chủ trì soạn thảo) phân công đơn vị xây dựng phương án giá theo quy định tại Khoản 1 Điều này lập Hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và xây dựng dự thảo quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu tác động trực tiếp văn bản và các cơ quan liên quan, tổ chức có liên quan về phương án giá và dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh phương án giá và dự thảo quyết định;

d) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi Hồ sơ phương án giá về Sở Tài chính đề nghị thẩm định;

đ) Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá của Cơ quan chủ trì soạn thảo, Sở Tài chính phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá;

e) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và hoàn chỉnh dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định giá.

h) Trường hợp có quy định khác về quy trình phối hợp thực hiện của các cơ quan Nhà nước trong việc trình, thẩm định phương án giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

5. Khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định hiện hành;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Sách giáo khoa;

h) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

i) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

- k) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định hiện hành;
- l) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- m) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Thực hiện kê khai giá:

a) Sở Tài chính, các sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá theo quy trình quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) và nội dung hướng dẫn tại Điều 15, Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, khoản 7, Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC), cụ thể như sau:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, l khoản 1, Điều 9 của Quy định này;
- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 9 của Quy định này;
- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 của Quy định này;

b) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Quy định này;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 9 của Quy định này trên địa bàn huyện (trừ những tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở trung ương hoặc có tên trong danh sách theo Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc công bố danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang).

4. Cách thức thực hiện kê khai giá và quy trình tiếp nhận thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC).

5. Biểu mẫu kê khai giá: thực hiện kê khai giá theo biểu mẫu kê khai giá quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC)."

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức và cá nhân hoạt

động sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. / *lum*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh, UB MTTQ tỉnh ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- VPUB: các PCVP, Phòng TC, KT, Trung tâm Công báo, Công TTĐT;
- Lưu: VT, (Luân).

28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *lum*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ehal
Lê Văn Nghĩa